

DẠY NGHE NÓI TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH DÂN TỘC

ThS. CAO VIỆT HÀ

Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc

1. Đặt vấn đề

Chương trình học tiếng Việt đang được áp dụng ở trường tiểu học vùng dân tộc thiểu số hiện nay là chương trình chung cho học sinh cả nước, cho nên về cơ bản, được xây dựng trên nguyên tắc dạy tiếng Việt cho người bản ngữ. Vì vậy, mọi yêu cầu về nội dung và định hướng phương pháp dạy tiếng Việt trong chương trình là phương pháp chung. Với học sinh dân tộc thiểu số, tiếng Việt thực chất là ngôn ngữ thứ hai, nhưng lại được học như là ngôn ngữ thứ nhất.

Học sinh người Việt (Kinh), trước khi đến trường đã có khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt với hai kĩ năng nghe, nói. Với học sinh dân tộc thiểu số điều này không thể có được, trừ một số đối tượng sống xen kẽ với người Việt trong một môi trường giao tiếp tiếng Việt tích cực.

Theo các nhà nghiên cứu, trước khi học chữ hay nói rộng ra là học ngôn ngữ với đầy đủ ý nghĩa của nó, người học cần học nói, học nghe. Nói một cách khác, con đường học ngôn ngữ thuận lợi nhất và đúng quy luật nhất, trước tiên cần học nói, học nghe, sau đó mới học đọc, học viết.

Ngôn ngữ gắn chặt với văn hoá và cuộc sống nơi nó sinh ra và phát triển, gắn liền với cách cảm, cách nghĩ và cả những đặc điểm tâm lí những người sử dụng trong cộng đồng ngôn ngữ. Điều kiện của học sinh dân tộc thiểu số khi học tiếng Việt còn nhiều bất cập. Để đạt được sự hiểu biết về cuộc sống, về văn hoá và đặc điểm tâm lí của người Việt cần phải có thời gian và sự trải nghiệm, nhưng trước mắt, nhà trường phải trang bị cho học sinh dân tộc thiểu số kĩ năng nghe, nói tiếng Việt gần như học sinh Kinh trước khi đến trường.

2. Định hướng

2.1. Dạy theo quan điểm giao tiếp

Giao tiếp vừa là mục đích vừa là phương pháp trong dạy tiếng hiện nay ở Việt Nam. Quan điểm giao tiếp được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học. Về nội dung, thông qua các phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn, môn Tiếng Việt tạo ra những môi trường giao tiếp có chọn lọc để học sinh mở rộng vốn từ theo định hướng trang bị những tri thức nền và phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Tuy nhiên, chỉ giới hạn ở phương diện dạy nghe nói, quan điểm giao tiếp

được thể hiện ở chỗ: Sau khi học xong chương trình, học sinh có thể nghe và nói được tiếng Việt và cũng chính dừng lại ở phương diện nghe, nói nên giao tiếp được hiểu là *giao tiếp trực tiếp* - Tức là lĩnh hội được các thông tin bằng cơ quan thính giác và đáp lại những thông tin đó bằng lời nói. Vấn đề tốc độ lời nói và cường độ âm thanh ngôn ngữ phải đặt ra. Hiện tượng các em nhỏ người Mông nói tiếng Anh rất sôi mà không phải qua một trường học nào cả, khiến các nhà nghiên cứu phương pháp dạy tiếng phải suy nghĩ. Thực tế cho thấy các em tiếp cận với tiếng Anh thông qua các hình thức giao tiếp rất đơn giản, nhưng lại rất hiệu quả. Đó chính là con đường học tiếng bằng giao tiếp tự nhiên, tích cực, hứng thú.

2.2. Coi trọng thực hành, luyện tập

Vận dụng những gì đã học vào thực tế là yêu cầu của bất cứ một hoạt động dạy học nào. Với việc dạy nghe nói cho học sinh dân tộc thiểu số, định hướng thực hành, luyện tập là hướng học sinh vào những hoạt động giao tiếp tự nhiên, hoặc những tình huống giao tiếp do giáo viên xây dựng nhằm giúp học sinh tập nghe, tập nói có hiệu quả. Trong giai đoạn đầu học ngôn ngữ, nếu xác định nhiệm vụ chỉ là học nghe nói thì hoạt động thực hành, luyện tập nghe nói là hoạt động dạy học tích cực nhất. Học sinh hầu như không học các nội dung kiến thức thức mang tính lí thuyết. Các em được nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể, nói lại những gì đã nghe (trên cơ sở đã lĩnh hội được thông tin). Kĩ năng đặt câu hỏi lúc này vô cùng quan trọng. Những mẫu câu hỏi về đối tượng, về việc làm của đối tượng, đặc điểm, cách thức cần được xem là công cụ đầu tiên trong việc hướng dẫn học sinh luyện nghe, luyện nói. Từ câu hỏi sẽ mở ra rất nhiều kiến thức, mở ra nhiều cách trả lời, vốn từ ngữ cũng được phát triển.

2.3. Tránh dạy theo phương ngữ

Phương ngữ trong tiếng Việt không đến mức tạo ra rào cản như tiếng Jrai, tiếng Ba Na, tiếng Mông và nhiều ngôn ngữ khác. Nhưng trong một đơn vị lời nói tiếng Việt, nếu mật độ phương ngữ đậm đặc thì người không quen với phương ngữ ấy không thể hiểu nổi. Chúng ta không ác cảm với phương ngữ, bởi phương ngữ là một hiện tượng xã hội, nhờ có phương ngữ mà ngôn ngữ chung thêm giàu, phong phú. Nhưng đối với học sinh dân tộc



thiểu số, trong thời gian học nghe nói tiếng Việt, tốt nhất là dạy các em ngôn ngữ được sử dụng trong sách giáo khoa. Nhận thức của học sinh mới học tiếng như tờ giấy trắng, nó ghi nhận lại tất cả. Nó chính là bản sao ngôn ngữ của người truyền thụ. Chính vì thế, mọi hành vi giao tiếp, cũng như bản thân ngôn ngữ giao tiếp của giáo viên phải được chú ý, coi trọng.

2.4. Khai thác tốt nhất tiếng mẹ đẻ trong hoạt động dạy nghe nói tiếng Việt.

Sử dụng tiếng mẹ đẻ trong quá trình dạy nghe nói tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số là tận dụng khả năng ngôn ngữ sẵn có của các em trong việc học một ngôn ngữ mới. Khi thực hành kĩ năng dạy nghe nói trong giờ tiếng Việt, có không ít các từ, thuật ngữ, các khái niệm xa lạ với học sinh trong quá trình lĩnh hội tri thức. Khi đó tiếng mẹ đẻ được sử dụng như là một công cụ đắc lực trong việc dạy học nhằm giải nghĩa từ và làm sáng tỏ những nội dung khúc mắc. Tiếng mẹ đẻ là vốn quý nhưng là vốn quý không thể lạm dụng. Nhiều giáo viên vì giỏi tiếng mẹ đẻ, nhưng do không biết tiết chế nên giờ học tiếng Việt lại biến thành giờ học tiếng mẹ đẻ. Trong giờ học nói, học nghe tiếng Việt, tốt nhất chỉ nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong trường hợp mọi phương pháp dạy học đều bất lực. Nhiều giáo viên dạy tiếng Việt nhưng không hề biết tiếng mẹ đẻ của học sinh, khiến trong giờ dạy học tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số như bị “nhúng chìm”. Đây chính là lúc giáo viên phải biết kiên nhẫn, phải biết đi đường vòng và biết sử dụng các phương pháp trực quan sinh động (hình ảnh, vật thật, điệu bộ, giọng nói) và hạn chế sử dụng ngôn ngữ. Qua nhiều lần như thế, học sinh dân tộc sẽ “ngoi lên mặt nước ngôn ngữ” và không bao giờ bị “nhúng chìm” nữa. Nhưng tốt hơn cả là giáo viên vừa giỏi tiếng dân tộc lại vừa tinh thông phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai.

Dạy ngôn ngữ nào nên hướng học sinh tư duy bằng ngôn ngữ ấy. Nếu như lúc nào học sinh dân tộc cũng dựa vào tiếng mẹ đẻ để học tiếng Việt thì các em sẽ rơi vào tâm lí lệ thuộc. Các em muốn trao đổi một thông tin bằng tiếng Việt, trong đầu phải hình thành thông tin đó bằng tiếng mẹ đẻ rồi dịch nhanh ra tiếng Việt. Điều này phản ánh một thực tế: Việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ để dạy tiếng Việt cũng có mặt trái của nó.

2.5. Khai thác chuyển di ngôn ngữ tích cực và hạn chế chuyển di ngôn ngữ tiêu cực trong dạy nghe nói

Không nên coi học sinh dân tộc thiểu số học nói tiếng Việt giống như “trẻ lên 3 học nói”. Bởi nhiều lẽ, học sinh dân tộc đã nói được tiếng mẹ

đẻ, và ở trình độ tư duy gần như học sinh người Việt cùng trang lứa; các em chỉ chưa nói được tiếng Việt mà thôi. Chính vì thế, việc khai thác chuyển di ngôn ngữ tích cực và hạn chế chuyển di ngôn ngữ tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Việt được đặt ra. Như trên đã nói, không nên coi tiếng mẹ đẻ của các em là rào cản. Bởi nhờ có tiếng mẹ đẻ mà học sinh dân tộc thiểu số đạt được khả năng tư duy như học sinh người Việt. Mặt khác, học sinh dân tộc thiểu số có thể đem những kĩ năng và thói quen học nói tiếng mẹ đẻ sang học nói tiếng Việt. Hơn nữa, tiếng Việt và các tiếng dân tộc ở Việt Nam cũng có nhiều điểm gần gũi.

3. Phương pháp và cách thức thực hiện

3.1. Dạy nghe nói theo tranh, vật thật

Học sinh dân tộc thiểu số mới đến trường chưa thể giao tiếp được bằng tiếng Việt, nhưng hoàn toàn có thể “đọc” được nội dung tranh. Các em hoàn toàn có thể nói được cảm nhận của mình về bức tranh đó qua nét mặt và qua tiếng mẹ đẻ. Tranh vẽ và cả vật thật nữa chính là cái “cầu nối” những thông tin từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Việt. Quan sát bức tranh vẽ con mèo, trong đầu học sinh Khmer đã bật ra từ *cho-ma*, nhưng khi được giáo viên gọi nó là *con mèo* (tiếng Việt) thì liền ngay đó mối liên hệ giữa *cho-ma* và *con mèo* được thiết lập. Mối liên hệ ấy có bền chắc hay không là tùy vào chất lượng thực hành luyện tập.

Nếu giáo viên kiên trì dạy học sinh dân tộc thiểu số như vậy, có thể trong một thời gian không dài, các em có được thông tin của một cuốn tiểu từ điển dân tộc-Việt mà chưa hề biết chữ.

Trong dạy nghe nói tiếng Việt, dạy từ là khâu hết sức quan trọng. Bởi vì từ chỉ ra những hiểu biết về sự vật, hiện tượng được nói tới trong giao tiếp. Đây chính là *chức năng miêu tả* của từ. Từ còn có *chức năng dụng học* và *chức năng kết học*. Chính vì thế, người nào có vốn từ phong phú bao nhiêu thì khả năng giao tiếp tốt bấy nhiêu. Việc dạy từ không quá khó khăn. Vấn đề chính là người dạy luôn có ý thức phát triển vốn từ cho học sinh. Dạy từng từ đơn lẻ thì khả năng phát triển vốn từ của học sinh sẽ chậm và cũng kém hấp dẫn. Nên (1) phát triển từ trong một trường nghĩa và lần sang dạy ngữ, dạy câu. Ví dụ: có một cái bàn, GV có thể dạy từ *cái bàn- cái bàn có bốn chân* (đặc điểm), *cái bàn làm bằng gỗ* (chất liệu), *cái bàn của lớp ta* (chỉ sở hữu), (2) dạy từ *cái bàn* trong mối liên hệ với từ *cái ghế- cái ghế cũng có bốn chân, cái ghế cũng làm bằng gỗ, cái ghế cũng của lớp ta*. Dạy như thế, tưởng như vô tình, học sinh được học



luôn từ *cũng*- từ biểu thị sự giống nhau của hiện tượng, hoạt động, trạng thái, tính chất- một từ rất khó dạy, nếu như không được trình bày trong mối quan hệ, so sánh như vậy.

3.2. Dạy nghe nói theo mẫu câu

Dạy nghĩa của từ theo tranh, nếu không theo hướng tích cực sẽ dẫn đến tình trạng học sinh chỉ biết các từ rời rạc. Trên thực tế, người ta có thể giao tiếp với nhau bằng từ nhưng chất lượng giao tiếp thấp. Vấn đề dạy mẫu câu phải được đặt ra. Dạy nói theo mẫu câu là một hoạt động có vẻ rất khô cứng, một sự lặp lại thiếu sáng tạo. Nhưng dạy nói theo mẫu câu lại là một yêu cầu bắt buộc với người học ngôn ngữ thứ hai. Theo quy luật nhận thức, muốn nói được tự do trước hết phải tập rèn từ khuôn mẫu. Khi đạt một trình độ nghe nói nhất định thì cái khuôn mẫu ấy sẽ mở ra hoặc bị phá vỡ, nhường cho hoạt động nói tự do- tự do mà vẫn đảm bảo các quy tắc dùng từ đặt câu, nhưng hiệu quả giao tiếp lớn hơn nhiều.

Tuy nhiên, việc xây dựng các mẫu câu không hề đơn giản. Nói đến “mẫu” tức là nói đến tính chuẩn mực. Mẫu câu không thể đem lại sự bế tắc cho người sử dụng mà phải hướng tới sự phát triển, sản sinh ngôn bản.

3.3. Dạy nghe nói theo truyện kể

Trong các phân môn của tiếng Việt thì có lẽ kể chuyện chiếm ưu thế hơn cả trong việc rèn kĩ năng nghe nói. Trong một giờ học về truyện kể, học sinh có rất nhiều cơ hội rèn kĩ năng nghe-nói. Nghe giáo viên kể chuyện, nghe các học sinh trong lớp kể lại, học sinh không những được rèn luyện nghe đúng, chính xác mà còn được rèn luyện khả năng nghe hiểu nội dung câu chuyện để sau đó rèn luyện khả năng kể lại. Các hoạt động như sắm vai nhân vật, dẫn thân vào truyện cũng là một cách để giúp học sinh phản ứng nhanh trong giao tiếp. Giai đoạn đầu dạy nghe nói tiếng Việt, không nên xác định dạy truyện kể là một phân môn, nhưng tinh thần, mục đích, và cả các bước tiến hành dạy truyện kể có thể vận dụng. Điều đặc biệt lưu tâm chính là phải xác định thật rõ mục tiêu dạy nói tiếng Việt qua truyện. Trong truyện kể, nên có một số câu được lặp đi lặp lại trong sự phát triển của tình tiết giúp cho học sinh dễ nhớ, dễ kể lại. Bản thân sự lặp lại này cũng tạo ra một sức hấp dẫn riêng.

3.4. Dạy nghe nói tự do theo một chủ điểm giáo viên gợi ý hoặc tự nghĩ ra.

Đây là hoạt động dạy nghe nói tích cực nhất. Ở hoạt động này, học sinh đã vượt qua các khuôn mẫu cho trước, vượt qua yêu cầu dạy nói theo mẫu câu. Các em sẽ được nói những gì mình thích và

khả năng ngôn ngữ của mình có thể làm được. Có thể, người lớn gọi là “chuyện phiếm”, nhưng đây là những “chuyện phiếm” không phải học sinh nào cũng làm được, và là điều chúng ta mong mỗi học sinh đạt được trong mục tiêu dạy nghe nói.

4. Kết luận

Trong khoa học dạy tiếng gần đây xuất hiện khái niệm *giai đoạn tiền đọc, tiền viết*. Hoạt động chính của giai đoạn tiền đọc, tiền viết chính là dạy nghe nói. Với người học ngôn ngữ thứ hai, học nhằm mục đích giao tiếp, thì dạy nghe nói giữ vị trí vô cùng quan trọng. Các chương trình giáo dục song ngữ ở Việt Nam, trong đó có Chương trình giáo dục song ngữ Jrai - Việt trước đây và chương trình giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ hiện nay, đều dành một thời gian thỏa đáng cho việc dạy nghe nói tiếng Việt: Chương trình giáo dục song ngữ Jrai- Việt dành nửa học kì, chương trình giáo dục song ngữ trên cơ sở trên tiếng mẹ đẻ dành 4 học kì. Thời gian dành cho việc dạy nghe nói tiếng Việt của hai chương trình này có khác nhau, nhưng tư tưởng chủ đạo coi trọng giai đoạn tiền đọc, tiền viết là thống nhất. Sở dĩ giai đoạn tiền đọc, tiền viết của Chương trình giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ dài hơn là vì, cần có thời gian để chất lượng nghe nói tiếng Việt tốt hơn, đồng thời chờ đợi các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng mẹ đẻ tương đối bền vững, đảm bảo đủ khả năng cho cơ chế chuyển di tích cực từ tiếng mẹ đẻ sang học tiếng Việt phát huy tác dụng. Chất lượng học tiếng Việt của học sinh dân tộc phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Hy vọng rằng những ý kiến trên đây được xem là một đóng góp vào việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đỗ Hữu Châu tuyển tập (tập một từ vựng-ngữ nghĩa)*, NXB Giáo dục, 2005.
2. *Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ - Chương trình hợp tác giữa Bộ GD&ĐT và Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc UNICEF*, 2008 – 2014.

SUMMARY

According to the author the learning of Vietnamese language by ethnic children has many issues. In order to overcoming this, the author focuses on the teaching of Vietnamese language to ethnic students, proposes some methods and practices in implementing those methods.